

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

Mã học phần: LAL 33021– Số tín chỉ: 2

Dùng cho chuyên ngành: Quản lý tài nguyên đất đai

Điều kiện tiên quyết:

Hình thức đào tạo: Trực tiếp – trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Môi trường

1. Mô tả chung về học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về chính sách pháp Luật đất đai hiện hành của Nhà nước, nắm được những vấn đề chung về chính sách đất đai. Đó là cơ sở để nắm được những kiến thức về chính sách Quản lý Nhà nước về đất đai.

Học phần còn giúp sinh viên nắm được chính sách sử dụng các loại đất cụ thể và chính sách đối với người sử dụng đất của nước ta hiện nay. Học phần này là tiền đề cho các học phần chuyên ngành của ngành Quản lý đất đai như: Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký đất đai và hồ sơ địa chính, Quản lý tài chính đất đai

2. Mục tiêu học phần

Mục tiêu học phần	Mô tả mục tiêu học phần Học phần nhằm cung cấp cho người học:
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để phân tích các quy định pháp luật về Quản lý Nhà nước về đất đai, các quy định về chế độ sử dụng các loại đất và quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất.
MT2	Thu thập, tìm kiếm và vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, chế độ sử dụng các loại đất và quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất.
MT3	Có năng lực dẫn dắt, tự học tập, tích lũy, nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan về các quy định pháp luật trong quản lý Nhà nước về đất đai, chế độ sử dụng các loại đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a4-3	Giải thích được và phân tích các quy định cơ bản của pháp luật đất đai về: quản lý Nhà nước về đất đai; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất và chế độ sử dụng các loại đất;
b1	Vận dụng kiến thức để giải quyết một số các tình huống pháp luật đất đai trong thực tiễn;
b4	Có kỹ năng tương tác và làm việc một cách linh hoạt với người khác để hướng tới mục tiêu chung
c1	Chủ động và độc lập trong học tập, trong công việc chuyên môn
c2	Hiểu biết pháp luật liên quan đến ngành, chuyên ngành được đào tạo

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu học tập:

- Nguyễn Đình Bông, Lê Thanh Khuyến, Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu (2012), Quản lý đất đai ở Việt Nam 1945-2010, NXB Chính trị Quốc gia;
- Nguyễn Đình Bông, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thu Hồng (2014), Mô hình quản lý Đất đai hiện đại của một số nước và khả năng áp dụng cho Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia;

3. Nguyễn Văn Sửu (2010), *Đổi mới chính sách đất đai ở Việt Nam, từ lý luận đến thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia;

4. TS Trần Quang Huy (2018), *Giáo trình Luật đất đai*, NXB Công an nhân dân.

4.2. Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo nghiên cứu chính sách của Ngân hàng Thế giới, 2004, *Chính sách đất đai cho tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo*, NXB Văn hóa – Thông tin;

2. Lê Đình Thắng, Hoàng Cường, Vũ Thị Thảo, 2003, *Chính sách đất đai trong thời kỳ đổi mới ở nước ta, số 76-10/2003*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế quốc Dân.

3. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013), *Luật Đất đai năm 2013*.

5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Nghiên cứu các tài liệu mà giảng viên yêu cầu. Chủ động nghiên cứu mở rộng các tài liệu có liên quan đến bài học. Danh mục tài liệu được liệt kê chi tiết trong phần 5 của đề cương.

- Nghiên cứu trước đề cương chi tiết do giảng viên cung cấp và nội dung kiến thức trước khi tới lớp của 1 buổi học, chuẩn bị slide thuyết trình vấn đề mà giảng viên yêu cầu, giảng viên nêu vấn đề sinh viên cần nghiên cứu cho buổi học sau. Hoạt động này sẽ bắt đầu thực hiện từ buổi học thứ 2 của học phần. SV có thể ghi phần chuẩn bị ra giấy để GV kiểm tra hoặc trong khi giảng GV đặt câu hỏi.

- Chủ động tham gia các hoạt động học tập theo nhóm: tìm hiểu tài liệu, chọn lọc thông tin viết trong bài báo cáo, thuyết trình, trả lời câu hỏi, đi thực tế môn học

6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Chủ đề, nội dung giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Hoạt động trên lớp	ST	Hoạt động tự học	SG	
<p>Chương 1(4tiết): Những vấn đề chung về pháp luật đất đai</p> <p>1.1. Sơ lược lịch sử, chế độ, chính sách đất đai ở Việt Nam</p> <p>1.2. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>1.3. Các nguyên tắc cơ bản về quản lý và sử dụng đất</p> <p>1.4. Quan hệ pháp Luật đất đai</p>	<p>Nghe giảng</p> <p>Thảo luận</p>	<p>3</p> <p>1</p>	<p>Nghiên cứu nội dung: Tìm hiểu chính sách đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ (đọc TL chính [4]) - các nguyên tắc cơ bản về quản lý và sử dụng đất: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu; Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và theo pháp Luật Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm; Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp; Cải tạo và bảo vệ đất(đọc TL chính [4]) Quan hệ pháp Luật đất đai: các yếu tố cấu thành, Cơ</p>	<p>10</p>	<p>a4-3 b1 b4 c1 c2</p>

			sở làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt một quan hệ pháp Luật đất đai (đọc TL chính [4])		
<p>Chương 2 (8tiết): Quản lý Nhà nước về đất đai.</p> <p>2.1.Nội dung quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.2.Tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về đất đai</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Trả lời câu hỏi/ý kiến xung quanh vấn đề giảng viên trình bày</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập</p>	<p>3</p> <p>2</p> <p>2</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu về:</p> <p>-Nội dung quản lý nhà nước về đất đai (đọc TL chính [4] [1]) (đọc TL tham khảo [3])</p> <p>- Tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về đất đai: Trung ương, Tỉnh, thành phố thuộc trung ương, Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Xã, phường, thị trấn (đọc TL chính [2] [4]) (đọc TL tham khảo [3] [2])</p>	15	<p>a4-3</p> <p>b1</p> <p>b4</p> <p>c1</p> <p>c2</p>
Đánh giá 1: Bài điều kiện (1 tiết) – 20%	SV thực hiện theo yêu cầu của GV với nội dung chương 1,2			5	...
<p>Chương 3 (8tiết): Chế độ sử dụng các loại đất</p> <p>3.1. Phân loại đất theo mục đích sử dụng</p> <p>3.2. Chế độ sử dụng đất nông nghiệp</p> <p>3.3. Chế độ sử dụng đất phi nông nghiệp</p> <p>3.4. Đất chưa sử dụng</p>	<p>-Nghe giảng</p> <p>- Trả lời câu hỏi/ý kiến xung quanh vấn đề giảng viên trình bày</p> <p>-Thảo luận</p> <p>-Bài tập</p>	<p>3</p> <p>2</p> <p>2</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu về:</p> <p>- Phân loại đất theo mục đích sử dụng (đọc TL chính [3] [4]) (đọc TL tham khảo [3])</p> <p>- Chế độ sử dụng đất nông nghiệp (đọc TL chính [3] [4]) (đọc TL tham khảo [3])</p> <p>- Chế độ sử dụng đất phi nông nghiệp (đọc TL chính [3] [4]) (đọc TL tham khảo [3])</p> <p>- Đất chưa sử dụng (đọc TL chính [3] [4]) (đọc TL tham khảo [3])</p>	20	<p>a4-3</p> <p>b1</p> <p>b4</p> <p>c1</p> <p>c2</p>
<p>Chương 4(8tiết):Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.</p> <p>4.1. Quyền, nghĩa vụ chung của người sử dụng đất</p> <p>4.2. Quyền, nghĩa vụ của các đối tượng sử dụng đất</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Trả lời câu hỏi/ý kiến xung quanh vấn đề giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- Bài tập</p>	<p>3</p> <p>2</p> <p>2</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu về:</p> <p>Quyền và nghĩa vụ chung của người sử dụng đất; Thời điểm được thực hiện các quyền của người sử dụng; Quy định về nhận quyền sử dụng đất(đọc TL chính[1],[4]) (đọc TL tham khảo [3])</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trong nước; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu</p>	15	<p>a4-3</p> <p>b1</p> <p>b4</p> <p>c1</p> <p>c2</p>

			tư nước ngoài; Quyền và nghĩa vụ của người Việt nam định cư tại nước ngoài(đọc TL chính[1] [4]) (đọc TL tham khảo [3])		
Đánh giá 2: Bài điều kiện (1 tiết)- 20%	SV thực hiện theo yêu cầu của GV với nội dung chương 3,4		5	...	

ST-Số tiết chuẩn

7. Đánh giá kết quả học tập

7.1 Hoạt động đánh giá 1 –CDR a4 -3, b4, c1,c2

- Hình thức đánh giá: SV làm bài tự luận tại lớp (1 tiết)
- Các yêu cầu: thể hiện nội dung chương 1,2
- Thời hạn nộp bài: ngay sau khi kết thúc tiết học
- Thời điểm và cách thức công bố kết quả đánh giá: trên lớp
- Thời điểm làm lại bài đánh giá nếu chưa đạt: trên lớp
- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a4 -3: (30%)	Nhận diện và giải thích được 85% yêu cầu của CDR a4 -3 trở lên	Nhận diện và giải thích được 70-84% yêu cầu của CDR a4 -3	Nhận diện và giải thích được 55-69% yêu cầu của CDR a4 -3	Nhận diện và giải thích được 40-54% yêu cầu của CDR a4 -3	Nhận diện và giải thích được dưới 40% yêu cầu của CDR a4 -3
b1:(30%).	Vận dụng được 85% yêu cầu của CDR b1	Vận dụng được 70-84% yêu cầu của CDR b1	Vận dụng được 55-69% yêu cầu của CDR b1	Vận dụng được 40-54% yêu cầu của CDR b1	Vận dụng được dưới 40% yêu cầu của CDR b1
b4: (10%)	Đạt mức độ 85% trở lên	Đạt mức độ 70-84%	Đạt mức độ 55-69%	Đạt mức độ 40-54%	Đạt mức độ dưới 40%
c1: (10%)	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
c2: (10%)	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu

7.2. Hoạt động đánh giá 2 –CDR a4 -3, b1, b4, c1,c2

- Hình thức đánh giá: tương tự ĐG1

7.3. Cách tính kết quả học tập chung của học phần

SV thực hiện 2 bài điều kiện là ĐG1 và ĐG2. Đủ và đạt 2 bài điều kiện mới được tham gia bài thi tự luận (**ĐG3**) cuối cùng theo lịch thi chung của nhà trường.

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a4 -1 : (50%)	Nhận diện và giải thích được	Nhận diện và giải thích được	Nhận diện và giải thích được 55-69% yêu	Nhận diện và giải thích được 40-54% yêu	Nhận diện và giải thích được

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
	85% yêu cầu của CĐR a4 -1 trở lên	70-84% yêu cầu của CĐR a4 -1	cầu của CĐR a4 -1	cầu của CĐR a4 -1	dưới 40% yêu cầu của CĐR a4 -1
b1:(50%)	Vận dụng được 85% yêu cầu của CĐR b1 trở lên	Vận dụng được 70-84% yêu cầu của CĐR b1	Vận dụng được 55-69% yêu cầu của CĐR b1	Vận dụng được 40-54% yêu cầu của CĐR b1	Vận dụng được dưới 40% yêu cầu của CĐR b1

Xếp loại kết quả học tập chung của học phần quy định như sau:

$$\text{Điểm kết thúc học phần} = 20\% \text{ĐG1} + 20\% \text{ĐG 2} + 60\% \text{ĐG 3}$$

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra				
			a4 -1	b1	b4	c1	c2
Quá trình	ĐG1. Bài ĐG trên lớp	20%	x	x	x	x	x
	ĐG2. Bài ĐG trên lớp	20%	x	x	x	x	x
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	60%	x	x			
<i>Tổng cộng:</i>		100%					

8. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Bảng, phấn, máy tính, máy chiếu

- Để hoàn thành nhiệm vụ học tập, sinh viên cần phải lấy tư liệu trên internet, qua thư viện số của nhà trường phục vụ cho việc báo cáo, thuyết trình và đánh giá kết quả học tập của từng nhóm.

9. An toàn của sinh viên và giảng viên

Sinh viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và nhà trường, không làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường.

10. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên có mặt trên lớp tối thiểu $\geq 80\%$ số tiết (≥ 24 tiết). Các buổi đánh giá SV không được phép vắng mặt vì bất kỳ lý do nào.

Khi các nhóm trình bày, tất cả các SV còn lại phải chuẩn bị sẵn câu hỏi phản biện. Câu hỏi phản biện phải mang tính chất xây dựng. SV nào không có câu hỏi 3 lần liên tiếp sẽ bị đánh giá là chưa có tinh thần xây dựng bài trong tiết học đó và sẽ bị áp dụng hình thức kỷ luật trừ 1 điểm trong bài thuyết trình của mình.

Các bài kiểm tra, thuyết trình đều được giảng viên chấm cùng sinh viên công khai trên lớp theo các tiêu chí đã nêu rõ trong đề cương. Mọi khiếu nại phải được nêu ngay trên lớp. Nếu không khiếu nại đó sẽ không được xem xét.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023.
Người xây dựng đề cương

TS. Nguyễn Thị Kim Dung

Ths. Nguyễn Thị Then